TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2022/DS-PT
Ngày: 06-05-2022
V/v trA chấp đòi lại tài sản, bồi thường thiệt hại do dA dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và công khai xin lỗi

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***THnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung THnh.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02/3/2022, 08/04/2022, 29/04/2022 và ngày 06/05/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2021/TLPT- DS ngày 14/4/2021 về TrA chấp đòi lại tài sản, bồi thường thiệt hại do dA dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và công khai xin lỗi;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tHnh phố C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 325/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị ThA H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 11, đường Lê Quý Đôn, Phường 1, tHnh phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1985 (theo văn bản ủy quyền ngày 23/9/2019);

Địa chỉ: Số 482, Tổ 13, ấp Tịnh Mỹ, xã Tịnh Thới, tHnh phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ mới: Số 151, đường Lê Thị Riêng, Phường 1, tHnh phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Bà Phạm Thị Thu Đ, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 188, đường Lê A Xuân, Khóm 3, Phường 2, tHnh phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đ là bà Võ Thị N, sinh năm 1957 (theo văn bản ủy quyền ngày 30/6/2021);

Địa chỉ: Số 159, đường Thiên Hộ Dương, Phường 4, tHnh phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Phạm Thị Liên H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 188, đường Lê A Xuân, Khóm 3, Phường 2, tHnh phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 186, đường Lê A Xuân, Khóm 3, Phường 2, tHnh phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà H là ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1987 (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/12/2021).

Địa chỉ: Số 355A, Khóm Bình Thạnh 2, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D và bà H là luật sư Nguyễn Văn H – Văn phòng luật sư Minh H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt phiên tòa ngày 06/05/2021).

- *Người kháng cáo*: Bà Phạm Thị Thu Đ, bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn bà Đặng Thị ThA H có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày*:** Vào ngày 03/3/2016, do quen biết bạn bè nên bà Đặng Thị ThA H có cho bà Phạm Thị Liên H, bà Phạm Thị Thu Đ và ông Nguyễn Văn D vay số tiền 2.000.000.000 đồng để đáo nợ ngân Hng, khi vay thì có làm biên nhận do D, H, Đ ký tên. Cùng ngày do khi đáo nợ tH phần lãi nên bà H có điện thoại cho bà H vay them 200.000.000 đồng và yêu cầu bà Đ đến nhận bổ sung số tiền 200.000.000 đồng do bà Đ ký nhận bổ sung dưới biên nhận. Tổng cộng 02 biên nhận là 2.200.000.000 đồng. Phía bà H, bà Đ và ông D hẹn trong vòng 03 ngày trả đủ vốn và lãi nhưng đến nay bà H, bà Đ và ông D vẫn không trả. Nay bà Đặng Thị ThA H yêu cầu bà Phạm Thị Liên H, bà Phạm Thị Thu Đ và ông Nguyễn Văn D liên đới trả số tiền 2.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu bà Phạm Thị Thu Đ trả số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Từ khi vay đến nay, bà H cho rằng không có nhận chuyển khoản của bà Đ. Bà H trong biên nhận chính là bà Đặng Thị ThA H.

Đối với yêu cầu phản tố của Bị đơn bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D, bà H không đồng ý với yêu cầu phản tố vì thực tế bà H, ông D có vay tiền và chưa trả nên bà H có quyền khởi kiện nên không đồng ý theo yêu cầu bồi thường của ông D, bà H. Trường hợp nếu Bị đơn chứng minh được trả nợ xong thì nguyên đơn sẽ rút đơn khởi kiện nhưng vẫn không đồng ý với yêu cầu phản tố của Bị đơn.

Bị đơn bà Phạm Thị Liên H, bà Phạm Thị Thu Đ và ông Nguyễn Văn D có ông Nguyễn Tuấn A và bà Võ Thị N là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Phạm Thị Liên H có văn bản ý kiến cho rằng vào ngày 03/3/2016, bà H, bà Đ và ông D có cùng ký tên vào biên nhận vay của bà H số tiền 2.000.000.000 đồng. Nhưng tên H tại biên nhận ngày 03/3/2016 có phải bà Đặng Thị ThA H hay không, bà H, bà Đ và ông D không biết. Bởi vì bà Đặng Thị ThA H không có chứng cứ giao cho bà H, bà Đ và ông D số tiền 2.000.000.000 đồng. Vì bà H, bà Đ và ông D chưa nhận số tiền 2.000.000.000 đồng vay này nên biên nhận ngày 03/3/2016 có nội dung "có mượn của chị H

số tiền 2.000.000.000 đồng" chứ không phải nội dung bà H, bà Đ và ông D mượn và nhận của bà Đặng Thị ThA H số tiền 2.000.000.000 đồng. Riêng số tiền 200.000.000 đồng ghi là nhận thêm, bà Đ cho rằng đã thA toán xong số tiền 200.000.000 đồng này cho bà H.

Từ ngày 06/3/2016 đến nay, bà Đặng Thị ThA H chưa có lần nào đòi nợ hay nhắc nhỡ bà H, bà Đ và ông D trả tiền nợ cho bà Đặng Thị ThA H vì thực tế bà H, bà Đ và ông D không có tH nợ bà Đặng Thị ThA H. Việc bà Đặng Thị ThA H trình bày là vu khống, bịa đặt và gian dối. Do đó, bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D có yêu cầu phản tố là yêu cầu bà Đặng Thị ThA H phải bồi thường số tiền 5.000.000 đồng về thiệt hại do dA dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và công khai xin lỗi bà H, ông D; với nội dung xin lỗi: " *tôi là Đặng Thị ThA H, sinh năm 1964; Địa chỉ số nH 11, đường Lê Quí Đôn, phường 1, tHnh phố C, Đồng Tháp. Bởi vì tôi tham lam nên tôi có vu khống, nói dối việc bà Phạm Thị Liên H, Nguyễn Văn D vay tiền của tôi chưa trả*". Việc công khai xin lỗi tại Ủy ban nhân dân Phường 1, tHnh phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bà H trình bày: Bà H và ông D không quen biết bà H và không biết bà Đặng Thị ThA H là ai. Bà H cho rằng không có vay tiền của bà Đặng Thị ThA H, không biết bà tên H trong biên nhận có phải là bà Đặng Thị ThA H không. Còn đối với biên nhận ngày 03/3/2016 thì chỉ là ghi mượn chứ không phải biên nhận giao nhận tiền và bà H không chứng minh được bị đơn có nhận số tiền 2.000.000.000 đồng. Còn đối với số tiền 200.000.000 đồng thì bà Đ có nợ 200.000.000 đồng và đã trả xong rồi, bà Đ sẽ cung cấp chứng cứ chứng minh bà Đ đã trả nợ cho bà ThA H trong vòng 15 ngày kể từ ngày hòa giải. Đối với khoản vay theo biên nhận nguyên đơn cung cấp thể hiện từ năm 2016 đến nay nhưng nếu nguyên đơn khởi kiện hợp đồng vay là không đúng.

Bà H đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ tại Ngân Hng Nông ngH phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh THnh phố C về thủ tục đáo hạn và trả nợ cho bà H số tiền 2.000.000.000 đồng, từ ngày 03-3-2016 đến ngày 10/3/2016 chuyển khoản từ Ngân Hng nông ngH đến tài khoản của bà Đặng Thị ThA H và bà Đ nhận nợ của Ngân Hng chứ không phải bà H nợ Ngân Hng. Đối với yêu cầu phản tố thì bà H và ông D vẫn giữ nguyên yêu cầu và chỉ bà H và ông D yêu cầu, bà Đ không yêu cầu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân tHnh phố C đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị ThA H.

Buộc bà Phạm Thị Liên H, bà Phạm Thị Thu Đ và ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Thị ThA H số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

Buộc bà Phạm Thị Thu Đ có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị ThA H số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hnh án có quyền chủ động ra quyết định thi Hnh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hnh án) cho đến khi thi Hnh án xong, tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D về việc yêu cầu bà Đặng Thị ThA H bồi thường thiệt hại do dA dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và công khai xin lỗi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi Hnh án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/3/2021 bà Phạm Thị Thu Đ, bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị ThA H; chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đặng Thị ThA H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Phạm Thị Thu Đ, ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị Liên H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Võ Thị N là người được bà Đ ủy quyền có xuất trình tình tiết mới là Tờ biên nhận ghi ngày 03/03/2016 (bản chính) thừa nhận do bà Đ viết và bà Đ, bà H, ông D cùng ký tên người mượn nợ của bà Đặng Thị ThA H số tiền 2.000.000.000 đồng và bà Đ mượn cá nhân 200.000.000 đồng, bà Nhng cũng xuất trình một biên nhận (bản chính) do bà Nguyễn Thị Kim THnh ghi ngày 08/03/2016 thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị Kim THnh có nhận của bà Đ 2.000.000.000 đồng để chứng minh đây là tiền bà

Đ gửi cho bà THnh để bà THnh trả lại cho bà Đặng Thị ThA H.

Một biên nhận (bản chính) không ghi ngày tháng năm thể hiện nội dung bà Đặng Thị ThA H có nhận của ông Gồng (không ghi họ, tên chữ lót và địa chỉ cụ thể) 150.000.000 đồng để chứng minh bà H có nhận của ông Gồng là tiền bà Đ trả cho bà H (thông qua ông Gồng trả cho bà Đặng Thị ThA H nhận). Hai biên nhận trên thể hiện bà Đ đã trả xong số tiền 2.150.000.000 đồng cho bà Đặng Thị ThA H. Hiện nay chỉ còn nợ 50.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Tuấn A đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D thừa nhận bà Đ, bà H và ông D có ký tên cùng bà Đ trong biên nhận nợ do bà Đ viết ngày 03/03/2016. Tuy nhiên, A Tuấn A đồng ý các chứng cứ do bà N đại diện Bị đơn bà Đ cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm và không có ý kiến về chứng cứ của Bị đơn cung cấp tại phiên tòa sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét không chấp nhận trách nhiệm liên đới của bà H, ông D cùng bà Đ trả nợ 2.000.000.000 đồng cho bà Đặng Thị ThA H vì bà H, ông D không có nhận tiền của bà Đặng Thị ThA H theo biên nhận ngày 03/03/3016 do bà N cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm. Ngoài ra A Tuấn A không cung cấp chứng cứ nào khác.

Luật sư Nguyễn Văn H trình bày: Bà H, ông D không nhận tiền vay 2.000.000.000 đồng từ bà Đặng Thị ThA H theo biên nhận nợ ngày 03/03/2016 mà bà Đ thừa nhận vay nợ bà H nên bà H, ông D không có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà H là có căn cứ.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn bà Phạm Thị Thu Đ, ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị Liên H về việc không đồng ý liên đới trả nợ cho bà Đặng Thị ThA H số tiền 2.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 03/03/2016 của Nguyên đơn đã xuất trình và kháng cáo đòi bồi thường dA dự nhân phẩm và công khai xin lỗi của ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị Liên H.

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp Hnh đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện và thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay tài sản đã hết. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn chỉ yêu cầu đòi lại tài sản, không yêu cầu tính lãi nên không

áp dụng thời hiệu theo yêu cầu của Bị đơn và Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ trA chấp "Đòi lại tài sản" là có căn cứ.

Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Đặng Thị ThA H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ trA chấp giữa các đương sự là trA chấp về dân sự đòi lại tài sản, bồi thường thiệt hại do dA dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và công khai xin lỗi. Bị đơn bà Phạm Thị Liên H, bà Phạm Thị Thu Đ và ông Nguyễn Văn D có địa chỉ tại Phường 2, tHnh phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tHnh phố C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị ThA H yêu cầu bà Phạm Thị Thu Đ, bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D liên đới trả cho bà Đặng Thị ThA H số tiền 2.000.000.000 đồng; yêu cầu bà Phạm Thị Thu Đ trả cho bà Đặng Thị ThA H số tiền 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tuyết M đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị ThA H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi, chứng cứ nguyên đơn chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là biên nhận ngày 03/03/2016.

2.2 Xét nội dung kháng cáo của các bị đơn bà Phạm Thị Liên H, bà Phạm Thị Thu Đ và ông Nguyễn Văn D. Tại phiên tòa, bà Võ Thị N đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phạm Thị Thu Đ có xuất trình chứng cứ mới là 01 biên nhận tiền ghi ngày 03/03/2016 (bản chính) có chữ ký của các Bị đơn bà Phạm Thị Liên H, bà Phạm Thị Thu Đ và ông Nguyễn Văn D thể hiện " *…Chúng tôi tên: Phạm Thị Thu Đ, Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D…có mượn của chị Đặng Thị ThA H sinh năm 1964, ngụ số 13, Lê Qúi Đôn, tp C, ĐT số tiền 2.000.000.000đồng để đáo nợ Ngân Hng …"* để chứng minh cho việc các Bị đơn đã trả nợ cho Nguyên đơn bà Đặng Thị ThA H xong nên bà H đã giao trả lại các bị đơn (bà Đ nhận) giữ biên nhận nợ vay này và việc trả xong nợ được thể hiện qua các biên nhận trả nợ ngày 08/03/2016 và biên nhận không ghi ngày tháng năm do bà N xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm.

- Xét biên nhận ghi ngày 08/03/2016 thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị Kim THnh có nhận của bà Đ 2.000.000.000 đồng để chứng minh bà Đ đã trả cho bà THnh để bà THnh trả lại cho bà Đặng Thị ThA H và sau khi trả xong bà Đặng Thị ThA H đã trả lại biên nhận vay ngày 03/03/2016 nội dung "*…Chúng tôi tên: Phạm Thị Thu Đ, Phạm Thị Liên H, Nguyễn Văn D …có mượn của chị Đặng Thị ThA H sinh năm 1964, ngụ số 13, Lê Qúi Đôn, tp C, ĐT số tiền 2.000.000.000đồng để đáo nợ Ngân Hng …"* , do sơ suất nên bên bà Đ không đòi lại biên nhận vay còn lại ngày 03/03/2016 nội dung "*…Chúng tôi tên: Phạm Thị Thu Đ, Phạm Thị Liên H, Nguyễn Văn D …có mượn của chị H sinh năm 1964, ngụ số 13, Lê Qúi Đôn, tp C, ĐT số tiền 2.000.000.000đồng để đáo nợ Ngân Hng …"* nên bà Đặng Thị ThA H lấy biên nhận này khởi kiện các bị đơn. Đại diện cho bị đơn bà Đ là bà N cho rằng khi các bị đơn vay tiền

bà Đặng Thị ThA H lúc đầu (vào buổi sáng, không nhớ rõ giờ cụ thể) bà Đ viết biên nhận nợ phần tên bà Đặug Thị ThA H không ghi đầy đủ Họ và chữ lót, chỉ ghi tên *"chị H"* trong biên nhận ban đầu (vào buổi sáng cùng ngày 03/03/2016) nên sau đó buổi chiều bà Đặng Thị ThA H yêu cầu viết lại biên nhận cùng ngày 03/03/2016 nội dung có ghi đầy đủ tên bà Đặng Thị ThA H và sau khi các bị đơn trả nợ xong cho bà Đặng Thị ThA H thì bà H đã giao trả lại biên nhận sau (ghi vào buổi chiều ngày 03/03/2016) có ghi đầy đủ tên Đặng Thị ThA H nhưng phía bị đơn quên không đòi lại biên nhận mượn nợ do bà Đ ghi trước (vào buổi sáng) chỉ ghi tên "chị H" (cũng trong ngày 03/03/3016) nên bà Đặng Thị ThA H tiếp tục dùng biên nhận nợ này kiện các bị đơn cùng số tiền 2.200.000.000đồng mà các bị đơn đã trả xong, ông Nguyễn Tuấn A đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D thống nhất với ý kiến của bà Võ Thị N nêu ra và yêu cầu Tòa án phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà H, ông D sửa án sơ thẩm không buộc trách nhiệm liên đới của bà H, ông D vì bà H, ông D không nhận tiền vay theo biên nhận ngày 03/03/2016.

Hội đồng xét xử xét thấy trong vụ án có hai biên nhận nợ cùng ngày 03/03/3016 và có cùng nội dung các Bị đơn bà Phạm Thị Thu Đ, bà Phạm Thị Liên H, ông Nguyễn Văn D có vay nợ bà Đặng Thị ThA H số tiền 2.000.000.000đồng và bà Đ vay cá nhân bà H 200.000.000đồng. Tổng cộng 2.200.000.000đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng) nhưng các Bị đơn cung cấp các biên nhận để chứng minh đã trả nợ xong chỉ thể hiện biên nhận ghi ngày 08/03/2016 có nội dung bà Nguyễn Thị Kim THnh có nhận của bà Đ 2.000.000.000đồng (Hai tỷ đồng) nhưng không thể hiện có sự thỏa thuận giữa ba bên (Nguyên, bị đơn và bà THnh) và bà THnh có thừa nhận đã nhận số tiền 2.000.000.000đồng (Hai tỷ đồng) này để giao trả cho bà Đặng Thị ThA H để thA toán cho số nợ các bị đơn đã vay theo biên nhận ngày 03/03/2016 hay không cũng không thể xác định được trong vụ án này, tại phiên tòa phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Kim THnh nhiều lần nhưng bà THnh vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 24/09/2020 (bút lục số 50) tại tòa án sơ thẩm, bà THnh đã xác định bà THnh có cho bà Đ vay 02 tỷ (năm 2016) và bà Đ đã trả nợ (tất toán) với bà THnh xong, số tiền bà Đ trả 02 tỷ (theo biên nhận ngày 08/03/2016) cho bà THnh không liên quan số tiền bà Đặng Thị ThA H cho bà Đ vay. Do đó, đối với biên nhận ngày 08/03/2016 thể hiện bà Nguyễn Thị Kim THnh có nhận của bà Đ 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) do các Bị đơn xuất trình, Hội đồng xét xử xét thấy không liên quan vụ án này và chưa đủ căn cứ để chứng minh các Bị đơn bà Phạm Thị Thu Đ, bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D đã trả xong số nợ 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) cho bà Đặng Thị ThA H. Nếu các đương sự có trA chấp số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) theo biên nhận liên quan bà Nguyễn Thị Kim THnh nêu trên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các Bị đơn đối với nội dung này.

- Xét biên nhận không ghi ngày tháng năm thể hiện nội dung bà Đặng

Thị ThA H có nhận của ông Gồng (không ghi họ, tên chữ lót và địa chỉ cụ thể) số tiền 150.000.000đồng để chứng minh bà H có nhận của ông Gồng để chứng minh là tiền bà Đ trả cho bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, người được Nguyên đơn ủy quyền là chị Tuyết M thừa nhận bà Đặng Thị ThA H có ký tên trong biên nhận và nhận số tiền 150.000.000 đồng của ông Gồng giao trả cho khoản vay khác giữa bà Đặng Thị ThA H và bà Đ trước đó chứ không phải ông Gồng trả cho khoản vay của bà Đ vay bà H 200.000.000 đồng theo biên nhận ngày 03/03/2016 do Bị đơn xuất trình nhưng chị M không có chứng cứ chứng minh. Do đó, đại diện hợp pháp cho bà Đặng Thị ThA H thừa nhận bà H có nhận ký tên biên nhận nhận tiền 150.000.000 đồng này nên phải có nghĩa vụ trả và được cấn trừ 150.000.000 đồng vào số nợ 200.000.000 đồng theo biên nhận nợ của chị Đ vay ngày 03/03/3016, bà Phạm Thị Thu Đ còn nợ lại bà Đặng Thị ThA H 50.000.000 đồng và tiếp tục trả là có căn cứ.

- Xét tại phiên tòa sơ thẩm, các bị đơn khai nại là có vay và đã trả tiền cho bà Phạm Thị ThA H, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không liên quan đến việc khởi kiện của bà Đặng Thị ThA H là có căn cứ, bởi vì khi bà Đặng Thị ThA H khởi kiện có cung cấp biên nhận vay (ngày 03/03/2016) và Bị đơn cũng thừa nhận có ký tên. Việc bị đơn khai nại có vay tiền của bà Phạm Thị ThA H là một quan hệ khác, không liên quan đến vụ án này. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các Bị đơn đã cung cấp biên nhận nợ bà Đặng Thị ThA H ngày 03/03/2016 và thừa nhận có vay nợ bà Đặng Thị ThA H nhưng chưa đủ chứng cứ chứng minh cho việc đã thA toán xong nợ (2.200.000.000 đồng) theo biên nhận nợ (ngày 03/03/2016) nên các bị đơn có nghĩa vụ thA toán tiếp số nợ 2.050.000.000 đồng (đã trừ số tiền 150.000.000 đồng) cho Nguyên đơn bà Đặng Thị ThA H là có căn cứ. Cụ thể ba người: bà Phạm Thị Thu Đ, bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Thị ThA H số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và bà Phạm Thị Thu Đ có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị ThA H số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, xét lời trình bày của các Bị đơn tại Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đã trả số tiền vay 2.200.000.000 đồng cho bà Đặng Thị ThA H từ ngày 03/3/2016 đến ngày 10/3/2016 chuyển khoản từ Ngân Hng Nông ngH phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh THnh phố C (gọi tắt là Ngân Hng) đến tài khoản của bà Đặng Thị ThA H là không có chứng cứ chứng minh. Tại công văn 104/NHNoTPCL-KHKD ngày 24/8/2020 của Ngân Hng cung cấp thông tin: Ngày 24/6/2015, bà Đ có ký hợp đồng tín dụng số 02091511.025/HĐTD vay vốn tại Ngân Hng, số tiền 4.000.000.000 đồng, có thế chấp tài sản. Ngày 04/3/2016, nhận 2.000.000.000 đồng, ngày 08/3/2016 nhận 2.000.000.000 đồng, bà Đ trực tiếp nhận tiền, không chuyển khoản cho bất kỳ người nào. Do bà Đ vi phạm hợp đồng nên Ngân Hng đã khởi kiện và Tòa án nhân dân tHnh phố C đang thụ lý. Do đó, lời trình bày của Bị đơn cho rằng đã trả tiền cho bà Đặng Thị ThA H thông qua tài khoản của Ngân Hng Nông ngH phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh THnh phố C là không có căn cứ.

Hội đồng xét xử xét thấy các Bị đơn trình bày trước sau không thống

nhất và các lời trình bày của các Bị đơn là có sự mâu thuẫn, không thống nhất tại các phiên tòa sơ, phúc thẩm và nội dung trình bày phủ nhận với nhau, thể hiện sự tH trung thực trong quá trình cung cấp chứng cứ chứng minh. Căn cứ nội dung biên nhận ngày 03/3/2016 do bà Đặng thị ThA H cung cấp, các bị đơn thừa nhận có ký tên, thể hiện " …*Chúng tôi tên: Phạm Thị Thu Đ, Phạm Thị Liên H, Nguyễn Văn D có mượn nợ của bà Đặng Thị ThA H số tiền 2.000.000.000đồng (Hai tỷ đồng)…"* và phía dưới cùng biên nhận nợ bà Đ thừa nhận có ghi thêm nội dung: *"Tôi Phạm Thị Thu Đ có nhận thêm 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng)"* đã đủ cơ sở chứng minh ngoài nhận số tiền hai tỷ đã được ghi phía trên biên nhận nợ chung của ba Bị đơn bà Phạm Thị Thu Đ, bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D thì cá nhân bà Phạm Thị Thu Đ có nhận thêm 200.000.000đồng từ bà Đặng Thị ThA H. Ngoài ra các bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh việc không nhận tiền theo biên nhận này nên các bị đơn bà Phạm Thị Thu Đ, bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm liên đới trả nợ 2.000.000.000đồng (Hai tỷ đồng) cho bà Đặng Thị ThA H và bà Đ chịu trách nhiệm trả khoản nợ cá nhân bà Đ theo phân tích trên cho bà H là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm các bị đơn kháng cáo cho rằng đã trả nợ bằng hai biên nhận đã được nhận định như trên nên các bị đơn đã mặc nhiên thừa nhận đã có nhận tiền vay của bà Đặng Thị ThA H theo biên nhận ngày 03/03/2016 đã nêu trên nhưng không có chứng cứ chứng minh các bị đơn (bà Phạm Thị Thu Đ, bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D) đã trả đủ tiền cho bà Đặng Thị ThA H. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có một phần căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị ThA H thừa nhận bà H có nhận tiền và ký tên biên nhận 150.000.000đồng (ông Gồng giao) do bà Đ trả nợ cho bà H, do bà H thừa nhận có nhận tiền nhưng không có chứng cứ chứng minh trả nợ cho khoản vay khác. Do đó, số tiền này sẽ được cấn trừ vào số nợ bà Đ còn nợ bà H, còn lại 50.000.000đồng tiếp tục trả cho bà H là có căn cứ.

2.3. Xét yêu cầu phản tố của bị đơn: Bà H và ông D yêu cầu bà H bồi thường thiệt hại do dA dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm số tiền 5.000.000 đồng và yêu cầu công khai xin lỗi. Xét thấy, bà H có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và bà H khởi kiện là có căn cứ chấp nhận, không phải là Hnh vi xâm phạm dA dự, nhân phẩm và uy tín của bà H và ông D nên yêu cầu phản tố của bà H và ông D là không có căn cứ chấp nhận nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà H và ông D là phù hợp.

Luật sư Nguyễn Văn H trình bày: Bà H, ông D không nhận tiền vay 2.000.000.000 đồng từ bà Đặng Thị ThA H theo biên nhận nợ ngày 03/03/2016 mà bà Đ thừa nhận vay nợ bà H nên bà H, ông D không có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà H là chưa có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ như đã phân tích nêu trên nên chấp nhận.

[4] Án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị

Thu Đ nên bà Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chỉ được chấp nhận một phần nên cần sửa án sơ thẩm về án phí sơ thẩm Nguyên, Bị đơn phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 186, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 592 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Thu Đ.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D.

3. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân tHnh phố C.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị ThA H.

Buộc bà Phạm Thị Liên H, bà Phạm Thị Thu Đ và ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Thị ThA H số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

Buộc bà Phạm Thị Thu Đ có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị ThA H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hnh án có quyền chủ động ra quyết định thi Hnh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hnh án) cho đến khi thi Hnh án xong, tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D về việc yêu cầu bà Đặng Thị ThA H bồi thường thiệt hại do dA dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và công khai xin lỗi.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Liên H, bà Phạm Thị Thu Đ và ông Nguyễn Văn D liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng)

Bà Phạm Thị Thu Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Bà Đặng Thị ThA H phải nộp 7.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 38.000.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008075 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi Hnh án dân sự tHnh phố C, tỉnh Đồng Tháp. Bà H được nhận lại 30.500.000đồng (Ba mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

Bà Phạm Thị Liên H và ông Nguyễn Văn D mỗi người nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007756 và 0007755 ngày 15/03/2021 của Chi cục Thi Hnh án dân sự tHnh phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Phạm Thị Thu Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, bà Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai 0007750 ngày 10/03/2021 tại Chi cục Thi Hnh án dân sự tHnh phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án, người phải thi Hnh án có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tHnh phố C;
- CCTHADS tHnh phố C;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sựï;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Trung THnh